TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **535**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Sơn
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1869/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L – sinh năm: 1985, địa chỉ: 61 Tôn Đức Thắng, phường 6, Thành phố ST, tỉnh ST (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Thanh S – sinh năm: 1988, địa chỉ: 131/6 ấp TA, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/01/2018. Quá trình sống chung có 01 con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày: 22/9/2012 hiện đang sống cùng anh S. Thời gian sống chung chị và anh S thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm và cả hai đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh S, anh cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: cháu N hiện đang sống cùng anh S và ông bà nội được chăm sóc tốt và cháu N muốn có nguyện vọng sống với anh S nên chị đồng ý giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng sẽ có trách nhiệm lo cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị trình bày chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Hồ Thanh S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị L và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị L và anh S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết L thì chị yêu cầu ly với anh S, yêu cầu về nuôi con chung nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Hồ Thanh S cư trú tại xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: chị L có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] *Về hôn nhân:* xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày

10/01/2018 . Do đó hôn nhân của anh chị đã hội đủ các qui định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận.

Xét lời trình bày của chị L thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị L cho rằng chị và anh thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với nhau và anh S không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Mặt khác dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S vắng mặt trong các lần Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử điều đó chứng minh anh S không có thiện chí, mong muốn hàn gắn đoàn tụ với chị L. Nay chị L có yêu cầu ly hôn, xét mâu thuẫn của vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh S là phù hợp

[5] Về con chung: cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 22/9/2012 hiện đang sống cùng anh S, cháu có nguyện vọng sống cùng anh S khi cha mẹ ly hôn, cháu Nghĩa hiện vẫn đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần; chị L cũng đồng ý giao cháu Nghĩa cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, cần ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu.

[6**]** *Về tài sản chung, nợ chung:* chị L, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* chị L phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết L. Chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

Chị L và anh S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành Nghĩa, sinh ngày 22/9/2012 ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết**.**

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016292 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hai **Nguyễn Văn Chót** **Cao Thanh Minh**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chót - Dương Văn Hai **Cao Thanh Minh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xả Phú Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh